THƯ MỤC

TẠP CHÍ NGÂN HÀNG SỐ 10 NĂM 2017

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Ngân hàng số 10 năm 2017.

1. Vai trò của tỷ giá đối với cán cân thương mại tại Việt Nam/ Hoàng Lan Hương// Tạp chí Ngân hàng .- Số 10/2017 .- Tr. 2 – 8

Tóm tắt: Nghiên cứu này sử dụng mô hình véc-tơ tự hồi quy cấu trúc (SVAR) và mô hình véc-tơ hiệu chỉnh sai số (VECM) để phân tích tác động trong ngắn hạn và dài hạn của tỷ giá đối với cán cân thương mại của Việt Nam, sử dụng bộ số liệu theo tháng trong giai đoạn từ năm 2004-2015. Tỷ giá hữu hiệu thực (REER) được sử dụng để phản ánh diễn biến chung của giá trị đồng Việt Nam. Kết quả thực nghiệm cho thấy trong ngắn hạn, tác động của tỷ giá tới các luồng thương mại là rất hạn chế, trong khi trong dài hạn, sự biến động về tỷ giá ít có ảnh hưởng tới nhập khẩu cả về mặt danh nghĩa và thực tế nhưng có ảnh hưởng lớn tới xuất khẩu thực tế. Kết quả từ nghiên cứu này có thể là cơ sở cho những hành động chính sách liên quan tới tỷ giá và thương mại của Việt Nam.

Từ khóa: Tỷ giá; Thương mại; Cán cân thương mại

2. Điều hành lãi suất của ngân hàng nhà nước Việt Nam/ Nguyễn Thế Khải// Tạp chí Ngân hàng .- Số 10/2017 .- Tr. 9 – 16

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu các vấn đề: Lãi suất trên thị trường tiền tệ; Cơ chế truyền dẫn và điều hành lãi suất của Ngân hàng trung ương; Điều hành lãi suất của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả điều hành lãi suất đối với Ngân hàng nhà nước.

Từ khóa: Lãi suất; Ngân hàng nhà nước; Thị trường tiền tệ

3. Xây dựng mô hình cảnh báo rủi ro vận hành tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam/ Lê Phan Thị Diệu Thảo// Tạp chí Ngân hàng .- Số 10/2017 .- Tr. 17 – 20

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu các vấn đề: Cơ sở lý luận về rủi ro vận hành và mô hình cảnh báo rủi ro vận hành tại các Ngân hàng thương mại; Thực trạng quản lý và cảnh báo rủi ro vận hành tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam; Giải pháp và chính sách khuyến nghị nhằm xây dựng mô hình cảnh báo rủi ro vận hành tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam.

Từ khóa: Rủi ro vận hành; Mô hình cảnh báo rủi ro vận hành; Ngân hàng thương mại Việt Nam

4. Ứng dụng phương pháp định lượng trong phân tích rủi ro thanh khoản hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam/ Phan Anh// Tạp chí Ngân hàng .- Số 10/2017 .- Tr. 21 – 29

Tóm tắt: Một số ngân hàng trung ương trên thế giới đã ứng dụng phương pháp định lượng trong phân tích rủi ro thanh khoản (RRTK) hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) nhằm phát hiện và cảnh báo về nguy cơ xảy ra RRTK của toàn hệ thống ngân hàng. Để làm được điều này, các nhà nghiên cứu đã xây dựng nê các bộ chỉ số thanh khoản hệ thống NHTM, các chỉ số này được coi như là một trong những tiêu chuẩn cảnh báo giúp nhà hoạch định chính sách cũng như các nhà quản trị ngân hàng có những biện pháp ứng phó kịp thời giúp ngăn chặn khủng hoảng thanh khoản xảy ra và lan rộng. Tại Việt Nam hiện nay, việc giám sát hệ thống NHTM chủ yếu dựa trên lĩnh vực tuân thủ mà thiếu đi các phương pháp phân tích định lượng nhằm sớm phát hiện các rủi ro mang tính hệ thống nói chung và RRTK nói riêng. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết tập trung vào nghiên cứu: (I) Các phương pháp định lượng và điều kiện áp dụng trong phân tích RRTK hệ thống NHTM; (II) Ứng dụng phương pháp định lượng trong phân tích RRTK hệ thống NHTM Việt Nam giai đoạn 2010-2016; (III) Một số khuyến nghị trong việc ứng dụng phương pháp định lượng trong phân tích RRTK hệ thống NHTM Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Phương pháp định lượng; Rủi ro thanh khoản; Ngân hàng thương mại Việt Nam

5. Bảo vệ quyền lợi của các tổ chức tín dụng với tư cách là người nhận bảo đảm ngay tình/ Phạm Tuấn Anh// Tạp chí Ngân hàng .- Số 10/2017 .- Tr. 30 – 34

Tóm tắt: Tài sản bảo đảm là một trong những công cụ quan trọng giúp cho các tổ chức tín dụng phòng ngừa rủi ro trong hoạt động tín dụng. Nhưng thực tế cho thấy, trong một số trường hợp, mặc dù đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nhưng các tổ chức tín dụng – với tư cách là bên nhận bảo đảm vẫn không thể tránh khỏi nguy cơ bị mất quyền xử lý tài sản bảo đảm do trước khi mang đi thế chấp hoặc cầm cố, các tài sản này đã được chuyển giao cho bên bảo đảm bằng một giao dịch không có hiệu lực pháp luật. Thông thường, dưới góc độ pháp luật, các trường hợp nhận tài sản bảo đảm này được gọi là nhận tài sản bảo đảm ngay tình, các tổ chức tín dụng khi đó được xác định là bên nhận bảo đảm ngay tình. Để làm rõ vấn đề trên, bài viết sẽ tập trung phân tích, đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật liên quan đến bên nhận bảo đảm ngay tình, trên cơ sở đó đề xuất một số định hướng nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật, bảo vệ tốt hơn quyền lợi chính đáng của loại chủ thể đặc biệt này.

Từ khóa: Tài sản bảo đảm; Tổ chức tín dụng; Người nhận bảo đảm ngay tình

6. Tác động của giá trị cảm nhận đến sự trung thành của khách hàng trong sử dụng dịch vụ thẻ ghi nợ nội địa của các ngân hàng thương mại Việt Nam/ Nguyễn Hoài Nam// Tạp chí Ngân hàng .- Số 10/2017 .- Tr. 35 – 37

Tóm tắt: Bài nghiên cứu này xem xét tác động của giá trị cảm nhận đến sự trung thành của khách hàng trong sử dụng dịch vụ thẻ ghi nợ nội địa (thẻ ATM) của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Trong đó giá trị cảm của khách hàng được thể hiện qua ba khía cạnh: giá trị về cơ sở vật chất, thiết bị; giá trị về dịch vụ khách hàng; giá trị về chi phí. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ ảnh hưởng của giá trị cảm của khách hàng về cơ sở vật chất, thiết bị và chi phí tới sự trung thành của khách hàng, đây là gợi ý quan trọng cho các nhà quản lý NHTM và các nghiên cứu về sự trung thành của khách hàng đối với dịch vụ thẻ ATM trong tương lai.

Từ khóa: Giá trị cảm nhận; Sự trung thành của khách hàng; Dịch vụ thẻ ATM

7. Ảnh hưởng của chương trình vay vốn có hỗ trợ lãi suất đến thu nhập của hộ trồng lúa/ Trần Thế Như Hiệp, Bùi Văn Trịnh// Tạp chí Ngân hàng .- Số 10/2017 .- Tr. 38 – 46

Tóm tắt: Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của việc thực hiện chính sách tín dụng có hỗ trợ lãi suất đối với hộ trồng lúa trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ giai đoạn 2012-2016 và đề xuất giải pháp phát triển tín dụng phục vụ sản xuất lúa trên địa bàn nghiên cứu. Sử dụng kỹ thuật so sánh điểm xu hướng (PSM) của Rosenbaum and Rubin (1983) để giải quyết mục tiêu nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy giai đoạn 2012-2016, các chỉ tiêu doanh số cho vay, suất cho vay/hộ và số hộ trồng lúa được vay vốn của huyện Vĩnh Thạnh có xu hướng tăng; tiền vay tín dụng có hỗ trợ lãi suất được các hộ trồng lúa sử dụng cho mục đích mua vật tư đầu vào, thuê mướn lao động trước mùa vụ và khi thu hoạch; thu nhập ròng của hộ trồng lúa có vay vốn hỗ trợ lãi suất tăng khoảng 45 triệu đồng/năm. Các kết quả này là cơ sở khoa học để đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của chính sách tín dụng có hỗ trợ lãi suất.

Từ khóa: Chính sách tín dụng; Lãi suất; Hộ trồng lúa

8. Kinh nghiệm quốc tế về tín dụng xanh và khuyến nghị chính sách/ Trần Thị Khánh Ly// Tạp chí Ngân hàng .- Số 10/2017 .- Tr. 51 – 55

Tóm tắt: Tính đến thời điểm hiện nay, các nghiên cứu về chính sách tín dụng xanh của Việt Nam chưa nhiều. Các bài viết chủ yếu tập trung phân tích, đánh giá chung về sự cần thiết của tín dụng xanh trong hoạt động của hệ thống Ngân hàng Việt Nam, những khó khăn, trở ngại mà các ngân hàng thương mại (NHTM) cũng như doanh nghiệp vấp phải khi triển khai và tiếp cận dịch vụ này. Bài viết nêu kinh nghiệm của một số nước đi trước trong việc xây dựng và thực hiện chính sách tín dụng xanh.

Từ khóa: Tín dụng xanh; Ngân hàng

9. Một số vấn đề tái cấu trúc và xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng tại Nhật Bản – Hàm ý cho Việt Nam/ Vũ Văn Long// Tạp chí Ngân hàng .- Số 10/2017 .- Tr. 56 – 59

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu vài nét về Tổng Công ty Bảo hiểm tiền gửi Nhật Bản (DICJ); Hoạt động thực tiễn của DICJ trong tái cấu trúc và xử lý nợ xấu tổ chức tín dụng; Một số hàm ý cho Việt Nam.

Từ khóa: Tái cấu trúc; Xử lý nợ xấu; Tổ chức tín dụng; Tổng Công ty Bảo hiểm tiền gửi Nhật Bản

Trung tâm Thông tin Thư viện